TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HSST
Ngày: 10/5/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/HSST, ngày 27 tháng 02 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/HSST-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, đối với:

Bị cáo **Trần Văn T**, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1993 (tên gọi khác: không có), tại tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh K; Chỗ ở: Nhà không số, tổ 16, ấp B, xã Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn U, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972; Anh chị em ruột gồm 03 người kể cả bị cáo. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và hiện có mặt tại phiên tòa.

- ***Những người tham gia tố tụng***:

Bị hại:

+ Anh Trần Văn H, sinh năm 1997.

Địa chỉ thường trú: Thôn, xã Q, huyện X, tỉnh P (vắng mặt).

+ Anh Phạm Nhựt T2, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Phường 1, Thành phố C, tỉnh Đ (vắng mặt).

+ Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: thôn 13, xã N, huyện M, tỉnh O (vắng mặt).

+ Anh Võ Lang H2, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: thôn 13, xã N, huyện M, tỉnh O (vắng mặt).

+ Anh Lê Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: ấp Phú Mỹ 4, xã X, huyện Y, tỉnh Z (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người có nhu cầu xin làm việc nên bị cáo Trần Văn T lập tài khoản Facebook tên "tuyển dụng nhân sự cho công ty vận tải khách Kumho Samco" với nội dung cần tuyển phụ xe chạy tuyến Bắc Nam. Khi có người liên lạc để xin việc, bị cáo T hẹn gặp để đưa hồ sơ, phí xin việc và đưa điện thoại di động cho bị cáo T để cài đặt định vị. Sau đó, bị cáo T gọi xe Grab bike chở người xin việc đến địa điểm khác để nhận việc, khi không tìm được địa chỉ để nhận việc, nạn nhân liên lạc với bị cáo T thì không liên lạc được. Bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của:

1. Anh Trần Văn H: khoảng 14 giờ ngày 26/02/2018, anh H đến quán cà phê Milano số 93/8 ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn gặp bị cáo T và L (lúc đó bị cáo T giới thiệu L là vợ của bị cáo T) và 02 đối tượng không rõ lai lịch. Bị cáo T nói với anh H, bị cáo là quản lý của công ty Kumho Samco, cần tuyển lơ xe tuyến Bắc Nam với mức tiền lương 9.500.000 đồng/tháng, nếu anh H muốn làm việc thì đưa hồ sơ gồm 05 tấm hình, bản gốc CMND, bản photo hộ khẩu, tiền phí hồ sơ 500.000 đồng và sẽ sắp xếp đi làm ngay. Anh H đưa giấy tờ và 500.000 đồng cho bị cáo T, bị cáo T yêu cầu anh H đưa điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus của anh H cho bị cáo T cài đặt định vị để công ty dễ kiểm soát trong quá trình làm việc. Sau khi anh H đưa điện thoại, bị cáo T lấy điện thoại di động hiệu Samsung màu đen đưa cho anh H để làm tin, khi nào nhận việc thì sẽ trả lại điện thoại. Sau đó, bị cáo T kêu xe đưa anh H đến bến xe khách Miền Đông (gần khu công nghiệp Đồng Nai) để nhận việc. Khi đến nơi, thấy không có công ty Kumho Samco, anh H gọi điện cho bị cáo T không được, gọi điện vào số điện thoại của anh H bị Thống giữ cũng không được. Sau đó, anh H nhờ bạn lên

Facebook liên hệ với bị cáo T để xin việc, bị cáo T đang thực hiện hành vi tương tự như đã thực hiện với anh H thì bắt giữ, giao Công an huyện Hóc Môn xử lý.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, bị cáo Trần Văn T khai nhận không phải quản lý của công ty Kumho Samco, không có ký với công ty về việc tuyển nhân viên, thông tin trên Facebook là do bị cáo T tự lập để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với điện thoại di động Iphone 7Plus sau khi bị cáo T chiếm đoạt của anh H trên đường về nhà, bị cáo T đã bị cướp giật giỏ xách tại phường A, quận B nên đã bị mất (BL 41 - 44). Tiến hành xác minh, bị cáo Trần Văn T không trình báo Công an phường A về việc bị cướp giật.

Kết quả định giá tài sản: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus là 9.500.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn T đã bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 22.000.000 đồng và anh H cũng đã làm đơn bãi nại, không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

2. Anh Phạm Nhựt T2: ngày 21/01/2018, bị cáo Trần Văn T (lấy tên là C) hẹn anh Phạm Nhựt T2 đến bến xe Miền Đông gặp, bị cáo T nhận anh T làm quản lý nhân sự cho bị cáo T (C). Đến ngày 26/02/2018, bị cáo T đưa anh T đến tỉnh K, giới thiệu với người phụ nữ tên B để đi ghe xuống thu mua hải sản. Bị cáo T (C) yêu cầu anh T đưa đồ đạc để bị cáo T (C) giữ giùm vì nếu mang theo sẽ bị những người cùng đi tàu lấy trộm. Anh T đồng ý đưa cho bị cáo T (C) 01 điện thoại di động Samsung J7, 01 laptop (do bị cáo T yêu cầu anh T mua trả góp với giá 10.990.000 đồng, bị cáo T (C) hỗ trợ 10%) và số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2018, sau khi kết thúc chuyến đi biển, anh T liên lạc với bị cáo T (C) để nhận lại tài sản nhưng không liên lạc được. Biết thông tin bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn H đang được Công an huyện Hóc Môn thụ lý giải quyết nên anh T đến trình báo sự việc.

Tiến hành định giá đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và 01 laptop hiệu HP có tổng giá trị là 9.500.000 đồng. Bị cáo Trần Văn T đã trả lại cho anh Phạm Nhựt T2 số tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt và anh T cũng đã làm đơn bãi nại, không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn có tiếp nhận thông tin của các bị hại:

- Anh Cao Văn A khai đã bị bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt 01 điện thoại di động Asus màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 700.000 đồng. Kết quả định giá tài sản: điện thoại di động hiệu Asus màu đỏ trị giá 1.000.000 đồng, điện thoại Nokia màu đen trị giá 200.000 đồng.

- Anh Lương Văn N bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A8 (kết quả định giá là 2.500.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4 (kết quả định giá là 1.000.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Sony S2 (kết quả định giá 800.000 đồng).

- Anh Nông Hoàng T3 bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5, kết quả định giá là 1.300.000 đồng.

- Anh Lê Nguyễn Hoàng P2 bị chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Hawai trị giá 7.000.000 đồng, tiền mặt 500.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18 Kara trọng lượng 05 chỉ (kết quả định giá 13.270.000 đồng); 01 nhẫn vàng 18 Kara trọng lượng 05 chỉ (kết quả định giá 13.270.000 đồng).

- Anh Võ Lang H2 bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung C9, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S và số tiền 200.000 đồng;

- Anh Đỗ Văn P bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo 5 trị giá 500.000 đồng, số tiền 200.000 đồng;

- Anh Nguyễn Ngọc K bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4 trị giá 600.000 đồng.

Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T chỉ thừa nhận chiếm đoạt của bị hại Đỗ Văn P số tiền 200.000 đồng, bị hại Võ Lang H2 số tiền 500.000 đồng, bị hại Lê Nguyễn Hoàng P2 số tiền 500.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T không thừa nhận chiếm đoạt điện thoại cũng như tiền, vàng của các bị hại Nông Hoàng T3, Lê Nguyễn Hoàng P2, Võ Lang H2, Nguyễn Ngọc K, Cao Văn A, Lương Văn N, Đỗ Văn P. Đồng thời, ngoài lời khai của các bị hại, không có các chứng cứ khác chứng minh bị cáo Trần Văn T chiếm đoạt tài sản của các bị hại T3, P2, H2, K, A, N, P. Các bị hại này cũng không đến Cơ quan điều tra làm việc, Cơ quan điều tra đã ủy thác đến Cơ quan điều tra nơi các bị hại cư trú nhưng chỉ nhận được kết quả nhận dạng của bị hại Đỗ Văn P, Võ Lang H2, Lê Nguyễn Hoàng P2.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe máy hiệu Attila màu trắng biển số 62R2-1536 đã qua sử dụng, số máy VMVTBB-D020231, số khung RLGKA12HDAD020231.

- 05 điện thoại di động (01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh nước biển, số IMEI 355127/06/971642/3; 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen, số IMEI 864383031638898; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5S màu trắng vàng gon số IMEI 358806054805902; 01 ĐTDĐ hiệu Oppo A39 màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F5 màu trắng) thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung do anh Trần Văn H giao nộp (đây là điện thoại di động bị cáo T đưa cho anh H).

- 10 chứng minh nhân dân (bản gốc); 02 giấy phép lái xe; 11 hộ khẩu (bản photo); 81 tấm hình 3x4; 21 tấm hình 4x6; 02 sim điện thoại di động.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như trên, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-HS ngày 27/02/2019 cũng như tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự); Đồng thời, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 76 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, bị cáo Trần Văn T có ý kiến tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, sau khi khắc phục hậu quả đã được người bị hại bãi nại và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn chấp nhận yêu cầu của bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi khắc phục hậu quả đã được người bị hại bãi nại và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên Tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào ngày 08/3/2019 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo T do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên bị

cáo T đã lập tài khoản Facebook tên "tuyển dụng nhân sự cho công ty vận tải khách Kumho Samco" với nội dung cần tuyển phụ xe chạy tuyến Bắc Nam. Khi có người liên lạc để xin việc, bị cáo T hẹn gặp để đưa hồ sơ, phí xin việc và đưa điện thoại di động cho bị cáo T để cài đặt định vị. Sau đó, bị cáo T gọi xe Grab bike chở người xin việc đến địa điểm khác để nhận việc, khi không tìm được địa chỉ để nhận việc, nạn nhân liên lạc với bị cáo T thì không liên lạc được. Bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại:

1. Anh Trần Văn H: số tiền 500.000 đồng là tiền phí làm hồ sơ xin việc và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus của anh H đưa cho bị cáo T cài đặt định vị để công ty dễ kiểm soát trong quá trình làm việc. Đối với điện thoại di động Iphone 7Plus sau khi bị cáo T chiếm đoạt của anh H trên đường về nhà, bị cáo T đã bị cướp giật giỏ xách tại phường Tây Thạnh, quận Tân Phú nên đã bị mất (BL 41 - 44). Tiến hành xác minh, bị cáo Trần Văn T không trình báo Công an phường Tây Thạnh về việc bị cướp giật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 54/2018 ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cho kết quả định giá như sau: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu đen 32G, số tiền là 9.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn T đã bồi thường cho anh Trần Văn H số tiền 22.000.000 đồng và anh H cũng đã làm đơn bãi nại, không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

2. Anh Phạm Nhựt T2: cùng hành vi tương tự, bị cáo T đã chiếm đoạt của anh T 01 điện thoại di động Samsung J7, 01 laptop (do bị cáo T yêu cầu anh T mua trả góp với giá 10.990.000 đồng, bị cáo T (Chiến) hỗ trợ 10%) và số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 94/2018 ngày 24/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cho kết quả định giá như sau: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime: 2.500.000 đồng. 01 (một) Laptop (máy tính xách tay) hiệu HP màu đen: 7.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn T đã trả lại cho anh Phạm Nhựt T2 số tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt và anh T cũng đã làm đơn bãi nại, không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn có tiếp nhận thông tin của các bị hại: Cao Văn A, Lương Văn N, Nông Văn Thao, Lê Nguyễn Hoàng P, Võ Lang H2, Đỗ Văn P2, Nguyễn Ngọc K. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T chỉ thừa nhận chiếm đoạt của bị hại Đỗ Văn P số tiền 200.000 đồng, bị hại Võ Lang H2 số tiền 500.000 đồng, Lê Nguyễn Hoàng P số tiền 500.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T không thừa nhận chiếm đoạt điện thoại cũng như tiền, vàng của các bị hại Nông Hoàng T3, Lê Nguyễn Hoàng P, Võ Lang H2, Nguyễn Ngọc Khan, Cao Văn A, Lương Văn N, Đỗ Văn P. Đồng thời, ngoài lời khai của các bị hại, không có các chứng cứ khác chứng minh bị cáo T chiếm đoạt

tài sản của các bị hại T3, P2, H2, K, A, N, P. Các bị hại này cũng không đến Cơ quan điều tra làm việc, Cơ quan điều tra đã ủy thác đến Cơ quan điều tra nơi các bị hại cư trú nhưng chỉ nhận được kết quả nhận dạng của bị hại Đỗ Văn P, Võ Lang H2, Lê Nguyễn Hoàng P2. Do vậy, không có đủ cơ sở xác định Cao Văn A, Lương Văn N, Nông Văn T3, Nguyễn Ngọc K là bị hại của bị cáo T.

[3] Toàn bộ hành vi nêu trên của bị cáo T đã có đủ cơ sở xác định bị cáo T bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh H là 10.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh T là 19.500.000 đồng; chiếm đoạt của anh Đỗ Văn P số tiền 200.000 đồng; chiếm đoạt của anh Võ Lang H2 số tiền 500.000 đồng, chiếm đoạt của anh Lê Nguyễn Hoàng P2 số tiền 500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản của các bị hại mà bị cáo T đã chiếm đoạt là 30.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố bị cáo Trần Văn T tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo T đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét nhân thân bị cáo T mới phạm tội lần đầu và sau khi khắc phục hậu quả đã được người bị hại Trần Văn H và Phạm Nhựt T2 làm đơn bãi nại, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe máy hiệu Attila màu trắng biển số 62R2-1536 đã qua sử dụng, số máy VMVTBB-D020231, số khung RLGKA12HDAD020231 là phương tiện bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo các bị hại. Bị cáo Trần Văn T khai mua xe của một người không rõ họ tên đăng trên trang mua bán hàng "Chợ tốt" nhưng không làm thủ tục sang tên. Khi mua bán xe, người bán có đưa cho bị cáo giấy mua bán tại cửa hàng Duy Tâm vào ngày 05/12/2017 và giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị Tuyết N. Qua xác minh, bà Phạm Thị Tuyết N khai bà đã bán xe cho người tên P4 nhưng không làm giấy mua bán, hiện tại bà N không xác định được ai là chủ sở hữu của chiếc xe này. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn tiếp tục quản lý chiếc xe này theo quy định của pháp luật. Nếu trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thông báo về việc truy tìm chủ sở hữu mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của xe gắn máy trên có yêu cầu thì được xem xét theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn nêu trên nếu không có ai yêu cầu thì xe gắn máy được sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 05 điện thoại di động (01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh nước biển, số IMEI 355127/06/971642/3; 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen, số IMEI 864383031638898; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5S màu trắng vàng gon số IMEI 358806054805902; 01 ĐTDĐ hiệu Oppo A39 màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F5 màu trắng) thu giữ của bị cáo Trần Văn T; bị cáo T khai 05 điện thoại di động này là của bị cáo sử dụng để chuẩn bị cho hành vi lừa đảo, tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện đề nghị sung công quỹ Nhà nước nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung do anh Trần Văn H giao nộp, đây là điện thoại di động Thống đưa cho ông H để làm tin nên là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn tiếp tục quản lý và giao trả cho chủ sở hữu 10 chứng minh nhân dân (bản gốc) và 02 giấy phép lái xe.

- Tịch thu tiêu hủy 11 hộ khẩu (bản photo); 81 tấm hình 3x4; 21 tấm hình 4x6; 02 sim điện thoại di động do không có giá trị sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, xét thấy cần buộc bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

+ Buộc bị cáo Trần Văn T phải giao trả cho anh Đỗ Văn P số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Văn T phải giao trả cho anh Võ Lang H2 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Văn T phải giao trả cho anh Lê Nguyễn Hoàng P2 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử lý vật chứng vụ án:

+ Giao 01 (một) xe máy hiệu Attila màu trắng biển số 62R2-1536 đã qua sử dụng, số máy VMVTBB-D020231, số khung RLGKA12HDAD020231 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật. Nếu trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn thông báo về việc truy tìm chủ sở hữu mà chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với xe gắn máy trên có yêu cầu thì được xem xét theo thủ tục tố tụng dân sự; hết thời hạn nêu trên nếu không có ai yêu cầu thì xe gắn máy được sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 05 điện thoại di động (01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu xanh nước biển, số IMEI 355127/06/971642/3; 01 ĐTDĐ hiệu Philip màu đen, số IMEI 864383031638898; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5S màu trắng vàng gon số IMEI 358806054805902; 01 ĐTDĐ hiệu Oppo A39 màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo F5 màu trắng) thu giữ của bị cáo Trần Văn T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung do anh Trần Văn H giao nộp (đây là điện thoại di động Thống đưa cho anh H).

+ Giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn tiếp tục quản lý và giao trả cho chủ sở hữu 10 chứng minh nhân dân (bản gốc) và 02 giấy phép lái xe.

+ Tịch thu tiêu hủy 11 hộ khẩu (bản photo); 81 tấm hình 3x4; 21 tấm hình 4x6; 02 sim điện thoại di động.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Phòng PC 27;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Thủy